

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN

Số: 29/2024/HS-ST
Ngày: 03-4-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L

- **Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Yên Nhi

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Vũ

2. Bà Trương Thị Thanh Hương

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Song Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở TAND thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số 18/2024/TLST-HS ngày 06/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HS ngày 20/3/2024 đối với bị cáo:

VÕ L, sinh năm: 1993 tại Bình Thuận; Nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: Khu phố 10, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Lao động biển; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Võ N, sinh năm 1969 và bà Trần Thị L, sinh năm 1968, Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 28/12/2023, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L. (Có mặt)

* **Bị hại: Lê Văn Q**, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Khu phố 10, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Có đơn xin vắng mặt)

* **Bị hại đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Thị P**, sinh ngày 1974 (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố 10, phường B, thị xã L, Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ L và bà Nguyễn Thị P sống chung với nhau từ khoảng tháng 10 năm 2022 tại khu phố 10, phường B, thị xã L. Đến khoảng tháng 7/2023, do phát sinh mâu thuẫn nên L và P không sống chung với nhau nữa.

Vào khoảng 04 giờ ngày 20/10/2023, biết thời điểm này bà P đang đi chèo đò nên L nảy sinh ý định trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định này, L đi bộ đến nhà bà P, trèo lên mái tôn phía sau nhà vệ sinh, dùng tay dỡ tấm tôn ra và chui vào trong nhà. Sau đó, L đi vào phòng ngủ phát hiện dưới tấm nệm có 01 chìa khoá xe Vision (loại remote), 01 điện thoại hiệu Oppo A73 màu xanh đen, ốp lưng màu vàng và số tiền 1.500.000 đồng nên lấy trộm toàn bộ tài sản này rồi về nhà mẹ ruột ở phường B ngủ.

Đến khoảng 04 giờ sáng ngày 24/10/2023, L tiếp tục nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe hiệu Honda loại Vision, biển số 86B1-638.33 của bà P đang gửi ở nhà ông Lê Văn Q tại khu phố 10, phường B thị xã L. L đi bộ đến nhà ông Q thì thấy cửa cổng không khoá mà chỉ quán lại bằng dây xích, trong nhà không có ai nên L mở cửa đi vào khu vực bếp, mở khoá xe rồi lấy trộm xe điều khiển ra khỏi nhà ông Q. Sau đó, L điều khiển xe đi nhiều nơi. Đến ngày 18/12/2023, khi L dựng xe ở khu vực thôn H, xã C, huyện T thì bị Công an xã C tạm giữ xe, còn L bỏ chạy được. Công an xã C bàn giao xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L xử lý.

Sau khi bị mất tài sản, bà P nhiều lần gọi điện yêu cầu L trả lại tài sản thì đến ngày 27/10/2023, L gửi trả lại cho bà P chiếc điện thoại di động hiệu Oppo A73 thông qua nhà xe Hữu Phước tuyến L - T. Tuy nhiên, do không thấy L trả lại các tài sản còn lại nên bà P trình báo Công an phường B giải quyết. Đến ngày 27/12/2023, khi làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L thì L đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp nêu trên, đồng thời giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chìa khoá Honda Vision, biển số 86B1-638.33 lấy trộm của bà P.

Tại Kết luận định giá tài sản số 91/KL-ĐGTS ngày 27/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã L kết luận:

- 01 xe mô tô hiệu Honda loại Vision, màu đỏ nâu đen, biển số 86B1-638.33, đăng ký lần đầu ngày 07/3/2022, đã qua sử dụng, còn hoạt động, có giá trị 21.000.000 đồng.

- 01 điện thoại hiệu Oppo A73, màu xanh đen, ốp lưng màu vàng, đã qua sử dụng, còn hoạt động, có giá trị là 1.200.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Gồm 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu đỏ nâu đen, biển kiểm soát 86B1-638.33, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A73, màu xanh đen có ốp lưng màu vàng; Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà Nguyễn Thị P vào ngày 29/01/2024;

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại đều đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu Võ L bồi thường gì thêm về phần dân sự. Đối với số tiền 1.500.000 đồng, bà Nguyễn Thị P không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKSLG-HS ngày 06/3/2024 của VKSND thị xã L đã truy tố bị cáo Võ L về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Võ L và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Võ L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173 BLHS, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Võ L từ 12 đến 15 tháng tù

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã đã truy tố và thống nhất với các điều khoản mà Viện kiểm sát viện dẫn trong cáo trạng. Phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo nhận thấy bản thân sai phạm xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại tòa, bị cáo Võ L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã L đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp thời gian, địa điểm và loại tài sản bị cáo đã chiếm đoạt, đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 04 giờ ngày 20/10/2023, bị cáo Võ L lén lút đột nhập vào nhà bà Nguyễn Thị P tại khu phố 10, phường B, thị xã L, lấy trộm của bà P 01 chìa khóa xe mô tô; số tiền 1.500.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu OPPO A73, trị giá 1.200.000 đồng. Đến khoảng 04 giờ sáng ngày 24/10/2023, bị cáo tiếp tục đột nhập vào nhà ông Lê Văn Q, lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 86B1-638.33, giá trị 21.000.000 đồng của bà P đang gửi tại đây. Sau đó, bị cáo trả lại cho bà P điện thoại di động, còn tiền và xe máy, bị cáo không trả lại mà sử dụng cho bản thân. Đến ngày 28/12/2023, khi đang lần trốn cơ quan chức năng, bị cáo bị bắt giữ.

Xét thấy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị 23.700.000 đồng của bị cáo Võ L đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Võ L về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; Chỉ vì mâu thuẫn tình cảm không giải quyết được, bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản của người từng chung sống với mình. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật và tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa P, do vậy cần phải xử lý nghiêm khắc, cách L bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục đồng thời làm gương cho những người khác.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Xét thấy, bị cáo Võ L có 02 lần trộm cắp tài sản, mỗi lần trộm cắp đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, do đó, bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về phần dân sự: Bị hại Lê Văn Q không có yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự, Hội đồng xét xử không xét.

Đối với bị hại, bà Nguyễn Thị P đã nhận lại tài sản là điện thoại di động và xe mô tô 86B1-638.33, bà không yêu cầu bị cáo L bồi thường gì thêm. Đối với số tiền 1.500.000 đồng bị chiếm đoạt, hiện bị cáo đã tiêu xài hết, mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích về quyền được đòi lại tài sản bị chiếm đoạt, yêu cầu bồi thường nhưng bà P có ý kiến không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền nêu trên, cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bị hại.

[6] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra đã xử lý xong, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí, bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Võ L phạm tội “Trộm cắp tài sản”

*** Căn cứ:** Khoản 1 Điều 173, Điểm g Khoản 1 Điều 52, Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo Võ L **01 (Một) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 28/12/2023.

*** Căn cứ:** Khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai, báo cho bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án hợp lệ tại địa P.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- CA tỉnh Bình Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã La Gi;
- THADS thị xã La Gi;
- Công an thị xã La Gi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - Lưu Tòa án;
- UBND địa phương nơi BC cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Thị Yến Nhi